TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST.
Ngày: 03/04/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hằng
2. Ông Lương Minh Suốt

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Tô Văn Đằng– Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh– Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2017/TLST-DSST, ngày 21 tháng 11 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2018/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T** (viết tắt là VPbank).

Trụ sở: Tầng 1- 7, Toà nhà thủ đô, số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đ, Quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Sudhir M, chức vụ: Trưởng trung tâm thu hồi nợ khối tín dụng tiêu dùng (theo văn bản ủy quyền số 27/2015/UQ-CT, ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T. Ông Sudhir Mvan uỷ quyền lại cho bà **Nguyễn Ngọc Nguyệt H,** chức vụ: Nhân viên (theo văn bản uỷ quyền ngày 19/01/2017) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2016 nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ

thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Nguyệt H trình bày:

Vào ngày 22/01/2014 ông Phạm Văn K có ký hợp đồng tín dụng số 20140122-500000-0098 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (viết tắt là Ngân hàng T) để vay số tiền 29.400.000đ, với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì ông K có trách nhiệm thanh toán số tiền 46.341.000đ (bao gồm gốc và lãi) trả chậm trong 25 tháng, 24 tháng đầu mỗi tháng trả 1.833.000đ, trả vào ngày 01 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 2.349.000đ, bắt đầu trả từ ngày 01/03/2014.

Sau khi vay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng 10 lần với số tiền là 16.664.000đ (trong này nợ gốc là 7.356.000đ và 9.308.000đ lãi). Kể từ ngày 21/2//2017 ông K không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K vẫn không thực hiện.

Vì vậy Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Văn K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng bao gồm các khoản sau đây: Trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tới hạn số tiền là 31.677.000đ, trả số tiền phạt do chậm thanh toán 13.500.000đ, ngoài ra phải chịu lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi 0,75%/tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn ông K phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tới hạn số tiền là 29.670.000đ, rút lại một phần là không yêu cầu phạt do chậm thanh toán số tiền 13.500.000đ và không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi 0,75%/tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Phạm Văn K hiện nay đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Phạm Văn K theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn ông K phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tới hạn số tiền là 29.670.000đ (trong này tiền nợ gốc tới hạn là 22.000.000đ, tiền nợ lãi tới hạn là 7.670.000đ), không yêu cầu phạt do chậm thanh toán số tiền là 13.500.000đ, lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi 0,75%/tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét

xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Vào ngày 22/01/2016 ông Phạm Văn K có ký hợp đồng tín dụng số 20140122-500000-0098 với Ngân hàng Việt Nam T để vay số tiền 29.400.000đ với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng ông K phải thanh toán cho Ngân hàng T vốn và lãi số tiền là 46.341.000đ. Sau khi vay ông K chỉ thanh toán cho Ngân hàng T được 10 lần số tiền là 16.664.000đ, số còn lại từ ngày 21/2/2017 đến nay không thanh toán thêm cho Ngân hàng Thịnh V số nợ nào, do đó Ngân hàng T đã khởi kiện để yêu cầu ông K hoàn trả số nợ 29.670.000đ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận của hai bên tại Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 20140122- 500000-0098, ngày 22/1/2014 thì ông Phạm Văn K phải có trách nhiệm thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng T theo hợp đồng số tiền vốn là 46.341.000đ, thời hạn trả trong vòng 36 tháng, trả góp hàng tháng. Tuy nhiên sau khi vay ông K chỉ thanh toán cho Ngân hàng T được 10 lần bằng số tiền 16.664.000đ rồi bỏ địa phương đi và không thanh toán thêm cho Ngân hàng T số tiền nào.

[5]] Việc bị đơn ông Phạm Văn K không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa các bên nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng số tiền là 29.670.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đến hạn là 29.670.000đ (trong này vốn gốc là 22.000.000đ và tiền lãi là 7.670.000đ) .

[7]- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu 1.483.500 án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là xử buộc bị đơn ông Phạm Văn K phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền vốn và lãi là 29.670.000đ. đồng Ngoài ra đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sựi năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và 470của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

- Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (VP BANK).

Buộc bị đơn ông Phạm Văn K phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền vốn là 22.000.000đ và tiền lãi là 7.670.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 29.670.000đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng **(** là 3,75%/tháng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền phạt do chậm thanh toán số tiền là 13.500.000đ và lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi 0,75%/tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000đ, theo biên lai thu số 0002941, ngày 29/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Phạm Văn K phải chịu là 1.483.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Khang thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Phòng GĐKT – TAT.*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải